

华语文阅读测验

Test of Chinese as a Foreign Language: Reading

入门基础级模拟试题

Band A

作答注意事项 Những điều cần chú ý khi làm bài thi:

一、这个题本一共有 50 题，考试时间是 60 分钟。

Tập đề thi này có tất cả 50 câu hỏi, thời gian làm bài thi trong khoảng 60 phút.

二、所有的答案必须写在答案卡上。写在题本上的答案将不算进成绩。

Tất cả đáp án phải được viết trên phiếu trả lời, nếu viết đáp án lên tập đề thi sẽ không được tính điểm.

三、考试开始以后，不可以离开考试的教室。如果有问题的话，请举手，
监试人员会过去帮助你。

Sau khi thời gian làm bài thi bắt đầu, bạn không được rời khỏi phòng thi. Nếu có bất cứ thắc mắc gì, mời giơ tay để giám thị đến giúp bạn.

四、考试结束，请将题本和答案卡放在桌上。等监试人员收卷、清点完以后，才可以离开。

Sau khi thời gian thi kết thúc, hãy đặt quyển đề thi và phiếu trả lời trên bàn. Đợi giám thị tới thu bài và xác nhận xong, bạn mới được rời khỏi phòng thi.

第一部分

Phần 1

(第 1~15 题)

说明：在这个部分，你会看到一个句子和(A)(B)(C)三张图片。请根据句子的意思，从三张图片中选出与句子意思相符的图片。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh, hãy căn cứ vào nội dung của câu nói, chọn ra một bức tranh chính xác nhất và thích hợp nhất.

例题如下：Câu mẫu：

你会看到一句话和三张图片：

Bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh.

1. 她在电影院门口等人。

(A)



(B)



(C)



这一题的答案是(B)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. (A) ● (C)

1. 弟弟今天很累，什么事都不想做。

(A)



(B)



(C)

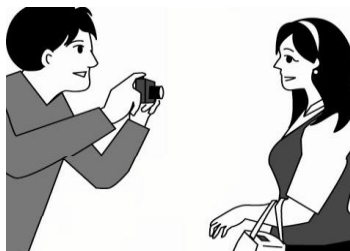


2. 他拿着手机帮朋友照相。

(A)



(B)



(C)



3. 这杯饮料太甜了，小林想加一点水。

(A)



(B)



(C)



4. 林小姐昨天晚上睡觉以前喝了一杯牛奶。

(A)



(B)



(C)



5. 他今天很晚才起床，所以起床以后，就吃午餐。

(A)



(B)



(C)

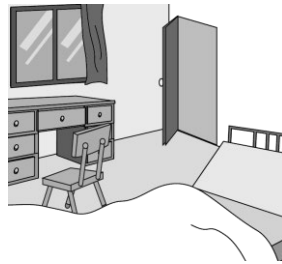


6. 房间的门跟窗户都是关着的。

(A)



(B)



(C)



7. 大明昨天很晚睡觉，因为电影太好看了。

(A)



(B)



(C)

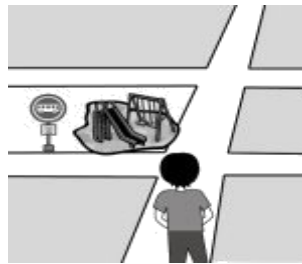


8. 经过两个路口以后，就会看见公园旁边的车站。

(A)



(B)



(C)



9. 她已经写完作业，正在听音乐。

(A)



(B)



(C)



10. 他看书看得太累了，所以躺在床上就睡着了。

(A)



(B)

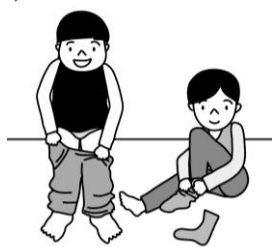


(C)

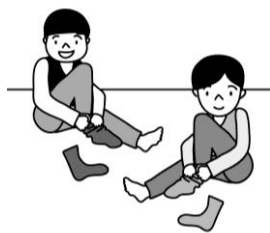


11. 他们都先穿袜子，再穿裤子。

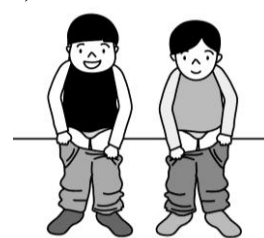
(A)



(B)



(C)



12. 妈妈每天七点起床，但是今天比较晚。

(A)



(B)

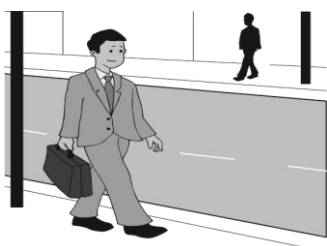


(C)



13. 他的车子坏了，所以今天坐计程车上班。

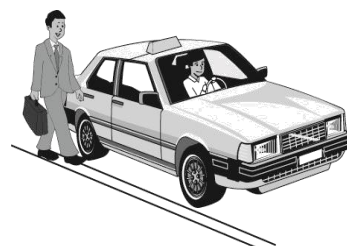
(A)



(B)



(C)



14. 她用电脑练习写字。

(A)



(B)

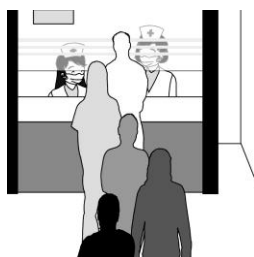


(C)

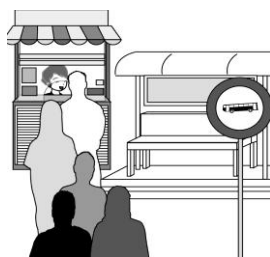


15. 很多人正在排队挂号。

(A)



(B)



(C)



第二部分 Phần 2

(第 16~30 题)

说明：在这个部分，你会看到一张图片。请根据图片，从(A)(B)(C)三个选项中选出与图片内容相符的句子。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, hãy căn cứ vào bức tranh ấy, và 3 câu đáp án (A)(B)(C), chọn ra một câu đáp án có nội dung phù hợp với nội dung của bức tranh nói trên.

例题如下：Câu mẫu：

你会看到一张图片和三个句子：

Bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, và 3 câu đáp án (A)(B)(C).



2.

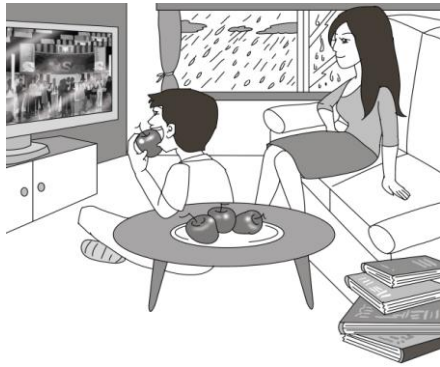
- (A) 她正在买猪肉。
- (B) 她还没买水果。
- (C) 她已经买了菜了。

这一题的答案是(A)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

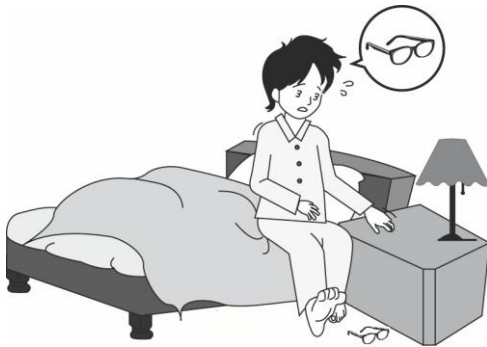
2. B C

16.



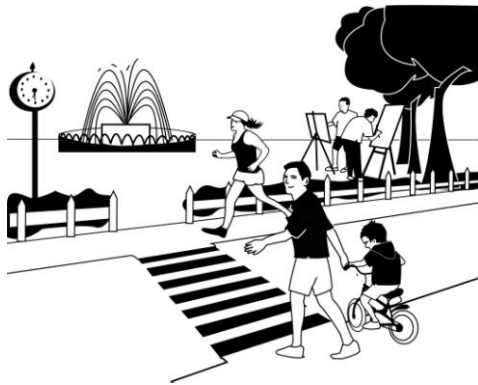
- (A) 外面出太阳。
- (B) 他们在看电视。
- (C) 水果放在椅子上。

17.



- (A) 弟弟的眼镜坏了。
- (B) 弟弟找不到眼镜。
- (C) 弟弟戴着眼镜睡觉。

18.



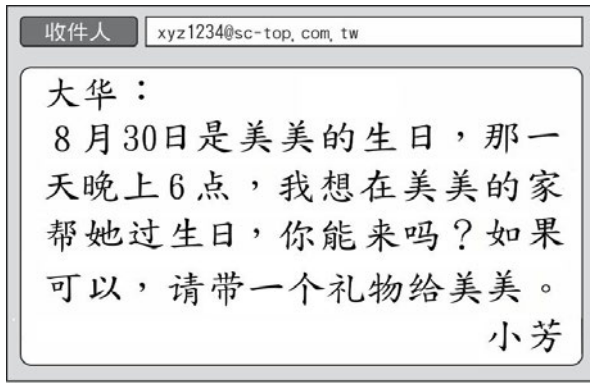
- (A) 这里是机场。
- (B) 有位女生在打球。
- (C) 小男孩正在骑脚踏车。

19.

小华的 功课表			
	星期一	星期二	星期三
上午	音乐课	科学课	英文课
下午		语法课	语法课
晚上		电脑课	

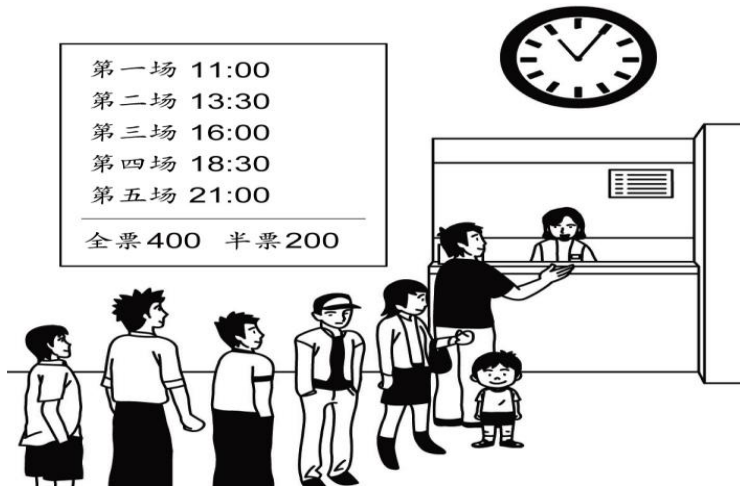
- (A) 小华有三天语法课。
- (B) 小华星期三上音乐课。
- (C) 小华星期二会用电脑。

20.



- (A) 美美要大华带礼物来。
- (B) 美美要请小芳到餐厅吃饭。
- (C) 小芳请大华一起到美美的家。

21.



- (A) 全票比半票贵两百元。
- (B) 晚上八点可以看电影。
- (C) 中午以前的电影有两场。

22.

星期一	星期二
23°C / 73.4°F	31°C / 87.8°F

- (A) 星期一可能要带雨伞。
- (B) 星期二天气可能不好。
- (C) 星期二比星期一凉快。

23.



- (A) 大家都吃完饭了。
- (B) 全部的人都拿着杯子。
- (C) 四个人坐在圆桌前面。

24.



- (A) 每个人都戴着帽子。
- (B) 大家都在唱歌和跳舞。
- (C) 蛋糕旁边有一些礼物。


25.



- (A) 她只用一条腿站着。
- (B) 她的手放在身体前面。
- (C) 她戴着一顶漂亮的帽子。

26.

阿里山租车公司



公司地址：大东市文化路123号

服务时间：10:00-22:00

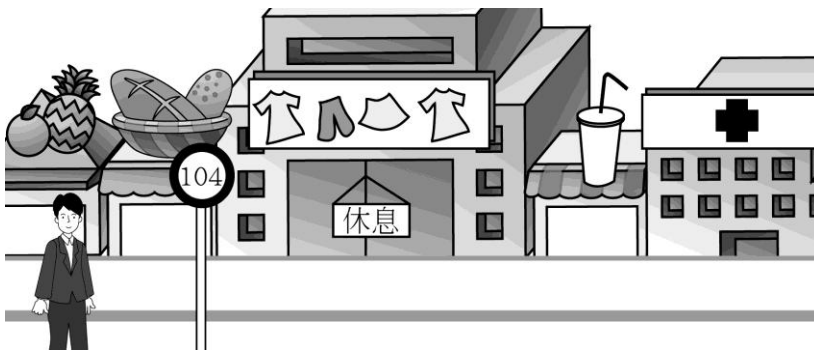
价 钱：小汽车1200元/天

大汽车1500元/天

如果想租车，请先打电话：0912-123456

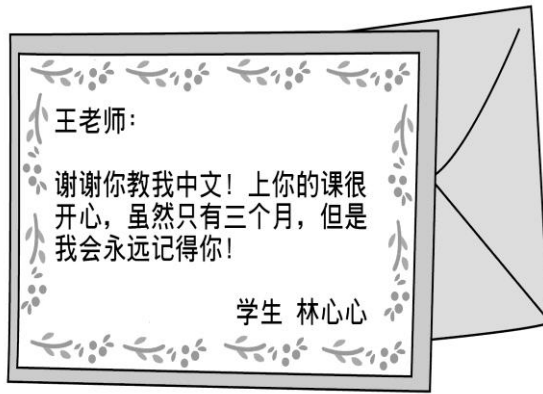
- (A) 来这家公司只能租一种车。
- (B) 想搭计程车可以打电话给这家公司。
- (C) 租车的价格，一天最少一千二百元。

27.



- (A) 医院离他最远。
- (B) 今天商店都开门。
- (C) 公车站站在饮料店前面。

28.



- (A) 林心心跟王老师学中文。
- (B) 卡片是王老师写给林心心的。
- (C) 他们约好还要再上三个月的课。

29.



- (A) 十月只有两间房间比较便宜。
- (B) 十月五日住两人房可以得到礼物。
- (C) 来来旅馆每个月都有特别的活动。

30.



- (A) 去这家店喝红茶, 就送早餐。
- (B) 在这家店吃早餐, 就送一杯饮料。
- (C) 这家店早上七点关门, 下午两点开门。

第三部分 Phần 3

(第 31~35 题)

说明：在这个部分，每个题组会有一张情境图片，图片下面有五个句子，请根据图片情境，选出最合适的答案。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi một chủ đề câu hỏi có một bức tranh tả tình huống, bên dưới của bức tranh có 5 câu đáp án, hãy căn cứ vào tình huống trong bức tranh trên, chọn ra một đáp án thích hợp và chính xác nhất.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一张图片和五个句子：

Bạn sẽ xem thấy một bức tranh tả tình huống, và 5 câu đáp án.

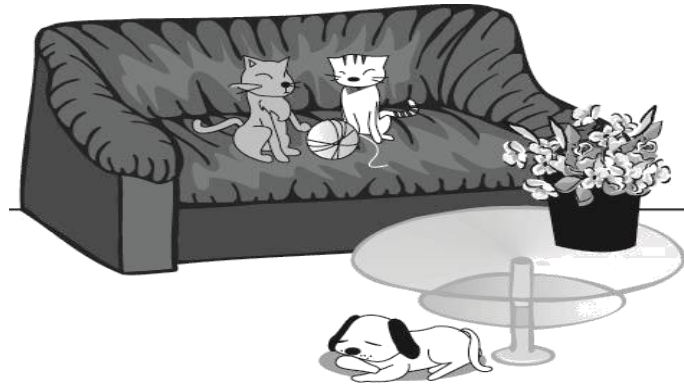


1. 张先生_____她吃法国菜。
(A)请 (B)送 (C)买
2. 他们_____喝酒。
(A)没有 (B)只有 (C)正在
3. 餐桌上有_____。
(A)筷子 (B)碗 (C)盘子
4. 这家餐厅有_____人。
(A)太少 (B)很多 (C)多少
5. 这家餐厅的菜____好吃____便宜。
(A)也...也...(B)越...越...(C)又...又...

第一题的答案是(A)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. (A) (B) (C)



31. 屋子里一个人 _____ 没有。
- (A) 就
(B) 也
(C) 些
32. 花瓶里 _____ 很多漂亮的花。
- (A) 有
(B) 挂
(C) 换
33. 小狗在桌子下睡得很 _____ 。
- (A) 随便
(B) 方便
(C) 舒服
34. 两只猫一起在沙发 _____ 玩儿。
- (A) 上面
(B) 下面
(C) 里面
35. 王先生一家人一个小时后 _____ 回来。
- (A) 再
(B) 才
(C) 常

第四部分 Phần 4

(第 36~45 题)

说明：在这个部分，你会看到一段短文，短文中有五个空格，短文下方有六个选项。请根据短文的上下文，选出最适合该空格的答案。注意，一个选项只能用一次。

Hướng dẫn: Trong phần này, bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, trong đoạn văn có 5 ô trống, bên dưới của đoạn văn có 6 câu đáp án. Hãy căn cứ vào nội dung của đoạn văn, chọn ra đáp án phù hợp cho từng ô trống của đoạn văn. **Chú ý:** một đáp án chỉ được chọn một lần.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一段短文和六个选项：

Bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, và 6 câu đáp án.

我的室友跟我一样大， (1) 。因为我们都喜欢旅行，所以去年我们 (2) 。那里的天气不冷也不热， (3) 。旅行的时候，我们看到很多漂亮的花朵，照了 (4) ，玩得很开心。暑假快到了，我们正在想 (5) ！

(A)	可是常常下雪
(B)	都是二十岁
(C)	很多照片
(D)	也不常下雨
(E)	这次要去哪里玩
(F)	一起去欧洲玩

第一题的答案是(B)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. (A) (B) (C) (D) (E) (F)

我今天跟我的台湾朋友一起去百货公司。台湾的百货公司
____ (36) _____，里面____ (37) _____。我买了几件毛衣，还有
____ (38) _____。我们____ (39) _____，就到____ (40) _____，虽然
有一点贵，但是大家还是吃得很开心。

- (A) 一双手套
- (B) 外面很漂亮
- (C) 买完东西以后
- (D) 买完东西以前
- (E) 什么东西都有
- (F) 楼下的餐厅吃晚餐

我不上课的时候，只要有空就找工作做，所以____ (41) _____。
在这些工作里，____ (42) _____就是在书店工作。第一是因为我
很爱看书，第二是因为那里的客人比较有礼貌，工作的时候，
____ (43) _____。可是我不太喜欢新书的味道，要是没有那种奇
怪的味道，____ (44) _____。虽然有这样的问题，____ (45) _____到
书店工作。

- (A) 我最喜欢的
- (B) 我还是愿意
- (C) 那就更好了
- (D) 心情总是特别好
- (E) 心情总是特别坏
- (F) 有很多工作经验

第五部分 Phần 5

(第 46~50 题)

说明：在这个部分，你会看到几篇短文，每一篇短文后面都有一个问题，请根据短文的内容回答问题。

Hướng dẫn: Bạn sẽ nhìn thấy một số đoạn văn trong phần này, sau mỗi đoạn văn sẽ có 1 câu hỏi, hãy căn cứ theo nội dung của đoạn văn để trả lời câu hỏi.

例题如下 Câu mẫu :

你会看到一段短文、一个问题和四个选项：

Bạn sẽ nhìn thấy 1 đoạn văn ngắn, 1 câu hỏi cùng với 4 phương án trả lời.

每天我要到许多地方去，也会遇到很多人。有些人喜欢叫我「左转」、「右转」、「停」；有些人会把脏东西留在我的车上。不过也有一些不错的人，可以从他们身上学到很多东西，所以我也交了好几个朋友。真是什么样的人都有啊！

5. 写文章的人可能是做什么工作的？

- (A) 教书
- (B) 卖汽车
- (C) 开计程车
- (D) 打扫房子

第五题的答案是(C)，请把答案涂在答案卡上。

Đáp án của câu hỏi 5 là (C), hãy tô đen đáp án đó trên phiếu trả lời.

5. (A) (B) ● (D)

(一)

小明的爸爸对小明说：「这里有十元，你到邮局买两张邮票，然后把这两封信寄出去，这一封是给王伯伯的，另外一封是给李伯伯的。」小明回来以后，还给爸爸五块钱。爸爸问小明：「怎么还剩五块钱呢？」小明回答：「我把给王伯伯的信装在给李伯伯的信里面，这样就不必多花五块钱啊！」

46. 小明把信寄出去以后，会发生什么事？

- (A) 王伯伯收到两封信
- (B) 李伯伯收到两封信
- (C) 李伯伯要到王伯伯家拿信
- (D) 王伯伯和李伯伯都没收到信

(二)

最近越来越流行上网买东西，不论是吃的、穿的还是用的，只要轻松点几下滑鼠就买得到，还能到处比较价钱再买。不过上网买东西也有一些问题，像是衣服不能先试穿，或是一不小心就被「买一送一」、「满两千送一百」的广告吸引，买了一堆本来不必买的东西。这样看来，上网买东西虽然方便，却不一定省钱。

47. 写这段短文的人觉得上网买东西怎么样？

- (A) 可以少花一些钱
- (B) 容易买太多东西
- (C) 能买到最流行的衣服
- (D) 不像大家说的那么方便

(三)

我最近学会一道台湾菜，叫做「咸蛋苦瓜」，这道菜是房东陈妈妈教我做的。以前，我觉得苦瓜吃起来和药一样苦，一直不喜欢吃。可是陈妈妈教我做的苦瓜一点都不苦，吃起来又香又甜。而且陈妈妈说，吃没煮过的苦瓜对身体更好，还说下一次要教我用没煮过的苦瓜做好喝的果汁，我学会以后，要先做给我的好朋友玉芳喝，希望她和我一样爱上苦瓜。

48. 写这段话的人说了什么？

- (A) 他一道台湾菜也不会做
- (B) 陈妈妈和他一样不吃苦瓜
- (C) 他发现苦瓜在台湾是一种药
- (D) 他的好朋友玉芳也不喜欢苦瓜

(四)

有一天，李先生和陈先生一起聊天。陈先生说：「我每天都很忙，一天要工作二十五个小时。」李先生说：「可是，一天只有二十四小时啊！」陈先生回答他：「没关系，我每天可以早一个小时起床。」

49. 这段短文说了什么事？

- (A) 陈先生每天几点起床
- (B) 李先生的数学不太好
- (C) 陈先生没有李先生忙
- (D) 李先生不相信陈先生

(五)

有三个学生，因为不喜欢每天去餐厅吃饭，开始自己学习做菜。但是每次做菜的时候，都闻到邻居家的香味，闻起来比自己煮的香。所以他们决定开一家网路厨房公司，让学生可以和会做菜的妈妈们买美食，这家公司负责把食物送到学生宿舍。很多妈妈认为，不管煮给几个人吃，要花的时间差不多，所以愿意加入这家公司，让这家公司的三位老板也赚了不少钱。

50. 这家网路厨房公司有什么服务？

- (A) 出租厨房给学生用
- (B) 请妈妈们教学生做菜
- (C) 帮学生把家人煮的菜送到学校
- (D) 让不太会煮菜的人吃到好吃的菜